

Bản án số: 198/2024/HC-PT
Ngày: 21 - 03 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính và quyết định cưỡng
chế buộc thực hiện biện pháp khắc
phục hậu quả

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2023/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1985; thường trú: Ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn T: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1981; thường trú: Tổ 44 (nay là Tổ B), phường V, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ: số D đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1963; thường trú: số 02 BT A, Ngõ D, đường X, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985; thường trú: số A đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1966; thường trú: số D L, khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

5. *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị T3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết, người khởi kiện ông Huỳnh Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành T1 trình bày:*

Ngày 08/4/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC xử phạt ông Huỳnh Văn T 02 hành vi:

- Hành vi thứ nhất: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép để dựng nhà với diện tích 243,4m².

- Hành vi thứ hai: Lấn đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn làm hàng rào trụ đá, kẽm gai xây dựng công trình, với diện tích 59,54m².

Ông Huỳnh Văn T không đồng ý vì:

1. Đối với việc xử phạt hành vi thứ nhất:

Khoảng giữa năm 2021, ông Huỳnh Văn T nhận chuyển nhượng 638,5m² trong thửa đất có tổng diện tích 1.760,6m² thuộc thửa số 658; tờ bản đồ số 54 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số BE 831175 mang tên Nguyễn Thanh T4. Sau đó làm thủ tục tách thửa và được cấp giấy CNQSD đất số DD 079073, ông T sử dụng để trồng và bán cây giống, thửa đất đã có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp. Tiếp đó ông T có tiến hành xây dựng 01 nhà kho chứa cây giống, phân bón, cũng như hệ thống điện nước phục vụ cho việc trồng cây, ươm giống, lúc đang xây dựng thì bà Nguyễn Thị T3 (là chủ hộ đất tiếp giáp) kiện ra chính quyền. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 là không đúng, gây thiệt hại cho ông T.

2. Đối với việc xử phạt hành vi thứ hai:

Ông T đã có hành vi lấn chiếm 59,54m² đất của bà Nguyễn Thị T3 trên cơ sở 07 giấy CNQSD đất bà T3 đã được cấp. Thực tế khi ông T nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Thanh T4 đã có sẵn hàng rào, cọc bê tông từ trước đó rất lâu, hiện vẫn còn thể hiện trên thực địa. Khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho các hộ dân đã không khảo sát, đo vẽ đúng với hiện trạng mà người sử dụng đất đang sử dụng.

Căn cứ vào các tài liệu mà ông Huỳnh Văn T đang có, thấy rằng 07 thửa đất đã được cấp giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị T3 tại các Giấy số CI 500668, CI 500669, CI 500670, CI 500671, CI 500672, CI 500673, CI 50067 thực chất đã bị cấp chồng một phần lên giấy CNQSD đất số DD 079073 của ông Huỳnh Văn T đã được cấp.

Do vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P cho rằng ông T đã lấn chiếm của bà Nguyễn Thị T3 diện tích 59,54m² đất là không đúng, ngược lại, đất của bà T3 được cấp giấy CNQSD đất đang chồng lên đất của nhà ông T.

Ông Huỳnh Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5820/QĐ-CCXP ngày 22/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P.

** Theo các văn bản gửi Tòa án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:*

1. Văn bản số 1037/UBND-NCPC ngày 13/10/2022 phúc đáp yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022:

Ngày 29/3/2022 Công chức địa chính xã đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra hiện trạng diện tích 59,54m² ông Huỳnh Văn T đang sử dụng trên Giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị T3 và diện tích 243,4m² chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn (xây dựng nhà với kết cấu móng đá học, đà kiềng bê tông, cột bê tông, tường xây gạch, mái lợp tôn) tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Cùng thời điểm này công chức địa chính xã có làm việc với ông Huỳnh Văn T thừa nhận xây dựng nhà này là để chứa vật tư phục vụ việc chăn nuôi, trồng trọt.

Căn cứ vào các Giấy CNQSD đất số CI500668; CI500669; CI500670; CI500671; CI500672; CI500673; CI500674 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 29/9/2017 cho bà Nguyễn Thị T3 và kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng vị trí diện tích đất ông Huỳnh Văn T đang sử dụng là không hợp pháp. Do diện tích đất vi phạm nằm trong giấy CNQSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị T3. Vì vậy, công chức địa chính xã C tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh Văn T.

Biên bản vi phạm hành chính số 75/BB-VPHC lập ngày 29/3/2022 của UBND xã C thể hiện ông Huỳnh Văn T thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép để dựng nhà với diện

tích 243,4m² và lấn đất nông nghiệp tại nông thôn làm hàng rào trụ đá, kềm gai xây dựng công trình với diện tích 59,54m² vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập biên bản, người có thẩm quyền lập biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật. Trong Biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm hành chính không thừa nhận hành vi lấn đất, không ký tên vào biên bản, không nhận biên bản và không đăng ký giải trình.

Theo điểm c khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính về việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành.

Công chức địa chính, xây dựng UBND xã C đã lập Biên bản về việc không nhận Biên bản vi phạm hành chính và có xác nhận của Chủ tịch UBND xã C.

Trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính ông Huỳnh Văn T chỉ khai bằng lời nói mà không cung cấp được giấy tờ chứng minh.

Ngày 08/4/2022 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1805/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh Văn T với hành vi nêu trên có nội dung sau:

- Hình thức phạt chính: phạt tiền 10.500.000 đồng.
- Hình thức phạt bổ sung: không;
- Các biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm với diện tích 243,4m², quy định tại điểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm cho bà Nguyễn Thị T3 diện tích 59,54m², quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

Từ những nội dung nêu trên, việc ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P là không có cơ sở.

2. Văn bản số 161/UBND-NCPC ngày 09/02/2023 phúc đáp đối với yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5820/QĐ-CCXP ngày 22/11/2022:

Thứ nhất, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5820/QĐ-CCXP ngày 22/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Trên cơ sở Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P. Ngày 20/4/2022, UBND xã C đã tổ chức triển khai quyết định giao trực tiếp cho ông Huỳnh Văn T theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Thứ hai, qua theo dõi việc thi hành Quyết định số 1805/QĐ-XPHC, nhận thấy đã hết thời hạn tự nguyện thi hành kể từ ngày nhận được quyết định, nhưng ông Huỳnh Văn T không thực hiện bao gồm hình thức phạt tiền và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 15/9/2022, UBND xã C có biên bản làm việc với ông Huỳnh Văn T đề nghị ông thực hiện Quyết định số 1805/XPHC ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P. Ông Huỳnh Văn T trình bày ông chưa chấp hành và thực hiện quyết định là do đang khởi kiện quyết định tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang khi nào có bản án của Tòa án sẽ thực hiện đúng theo bản án.

Ngày 19/10/2022 ông Huỳnh Văn T đã cung cấp biên lai nộp tiền phạt, nhưng không thực hiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5820/QĐ-CCXP ngày 22/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Văn T.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5820/QĐ-CCXP ngày 22/11/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P là không có cơ sở xem xét, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

** Biên bản ghi lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2023 ông Nguyễn Thanh T4 trình bày như sau:*

Năm 2003 ông T4 nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông Trương Văn H2 được cấp giấy CNQSD đất năm 1996, do còn nằm trong ranh rừng nên chưa đo sổ. Năm 2018 khi điều chỉnh ranh rừng thì mới tiến hành làm thủ tục giấy CNQSD đất sang tên ông T4.

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông H2, phần đất này và đất của các hộ dân lân cận đã có ranh sẵn. Về ranh đất của ông T4 với đất của bà Nguyễn Thị T3 đã có làm rào bê tông có sẵn ranh do chủ đất cũ (mua trước đó) cắm sẵn. Nguồn gốc đất bà T3 đứng tên là của vợ ông T4 (bà Nguyễn Thanh H3) khai khẩn và kê khai khi chưa kết hôn với ông T4, khoảng năm 2003 (sau khi đã kết hôn năm 1994) thì vợ, chồng ông T4 chuyển nhượng đất cho người khác (không nhớ rõ họ tên) thì người này đã làm hàng rào, phân ranh với đất của ông T4. Bà T3 là người nhận chuyển nhượng và sử dụng đất sau này trên ranh đất đã có sẵn từ trước đến nay không có tranh chấp ranh đất, vì theo hiện trạng sử dụng thực tế

các bên đã cắm ranh sử dụng ổn định, có một số hộ đã cất nhà trước đó và sử dụng ổn định cho đến nay.

Năm 2010 ông T4 làm căn nhà cấp 4 nằm giữa đất, trước đó đã có căn nhà tạm và hàng rào bao quanh đất.

Theo hồ sơ cấp giấy của cơ quan nhà nước thì ông T4 không biết, nhưng theo hiện trạng sử dụng thực tế với các hộ xung quanh và phần đất ông T4 chuyển nhượng cho ông T đã sử dụng ổn định theo hiện trạng ranh đất, không có tranh chấp với ai. Ông T4 chuyển nhượng cho ông T có phân ranh giới rõ ràng không tranh chấp với chủ đất cũ (người chuyển nhượng cho bà T3). Nay bà T3 nhận chuyển nhượng trên cơ sở hiện trạng đất sử dụng ổn định, đo đạc diện tích đất trên hồ sơ bị lệch tranh chấp với ông T, ông T4 thấy rằng không hợp lý vì các hộ xung quanh đã cất nhà ở trên cơ sở hiện trạng, ranh hiện hữu sử dụng ổn định trước khi bà T3 vào sử dụng đất.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2023/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, quyết định:*

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ các Điều 38, 58, 59, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020);
- Căn cứ Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Văn T:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08 tháng 4 năm 2022 và hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5820/QĐ-CCXP ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 11.403.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng) cho ông Huỳnh Văn T đã nộp phạt theo số biên lai 332408 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh P.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:*

- Ngày 21/6/2023, bà Nguyễn Thị T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 12/7/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

Việc lấn chiếm đất là chưa có cơ sở và thẩm quyền giải quyết không phải của Ủy ban nhân dân P.

Về nội dung vi phạm của ông T về việc xây dựng trái phép là đúng, Quyết định xử phạt về nội dung này là đúng. Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không đúng.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T3, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố P, tỉnh Kiên Giang và người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của phía người bị kiện thấy rằng:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập thể hiện: Hồ sơ xử phạt người bị kiện cung cấp gồm: Biên bản đo đạc, Biên bản làm việc với ông Huỳnh Văn T, Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản giao nhận biên bản vi phạm hành chính và các Giấy CNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị T3 thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Căn cứ vào hồ sơ này và các tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp có trong hồ sơ để giải quyết vụ kiện.

** Đối với hành vi thứ nhất: Ông Huỳnh Văn T có hành vi chuyển đất trồng cây lâu năm (loại đất nông nghiệp) sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép để xây dựng nhà với diện tích 243,4m².*

Để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5820/QĐ-KPHQ ngày 22/11/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, ông T không đồng ý và tiếp tục khởi kiện bổ sung.

Ông T thừa nhận có xây dựng 01 nhà kho chứa cây giống, phân bón, cũng như hệ thống điện nước phục vụ cho việc trồng cây, ươm giống, trên phần đất của ông T đã được cấp giấy CNQSD đất. Theo đó, ông Huỳnh Văn T có diện tích đất 638,5m² thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, đất đã được UBND thành phố P cấp giấy CNQSD đất số DD 079073, cấp ngày 18/12/2021 có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm (thuộc nhóm đất nông nghiệp). Quá trình sử dụng, ông T đã tự chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm qua đất phi nông nghiệp để làm nhà là vi

phạm, người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi này là có căn cứ, phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bản án sơ thẩm xác định việc xử lý vi phạm của phía người bị kiện là có căn cứ và đúng pháp luật, nhưng quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy phần nội dung này của quyết định số 1805/QĐ-XPHC ngày 08/4/2022 là không đúng và có mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của phía người bị kiện.

* Đối với hành vi thứ hai:

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Diện tích đất ông T được cấp giấy CNQSD đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Thanh T4 khai khẩn, sử dụng đã được cấp giấy CNQSD đất, sau đó chuyển nhượng cho ông T một phần đã tách thửa cấp giấy CNQSD đất, ranh giới giáp đất của bà Nguyễn Thị T3 cũng đã được cấp giấy CNQSD đất. Qua đo đạc kiểm tra về hành vi tự chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm qua đất phi nông nghiệp làm nhà thể hiện có diện tích đất 59,54m² ông T xây nhà và làm hàng rào là trên phần đất của bà Nguyễn Thị T3, Công chức địa chính lập biên bản đối với ông T về hành vi lấn đất và buộc giao trả đất. Ngay tại thời điểm này, ông T khẳng định không lấn đất của bà T3 và từ chối ký các văn bản. Trong khi đó, tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính người bị kiện cung cấp không có tài liệu, chứng cứ nào xác minh về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, về ranh mốc giới, hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của các bên. Bản thân ông Nguyễn Thanh T4 là người chuyển nhượng đất cho biết: ông T4 chuyển nhượng đất cho ông T có phân ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với chủ đất cũ (người chuyển nhượng cho bà T3), nay bà T3 nhận chuyển nhượng trên cơ sở hiện trạng đất sử dụng ổn định, đo đạc diện tích đất trên hồ sơ bị lệch tranh chấp với ông T không hợp lý vì các hộ xung quanh đã cất nhà ở trên cơ sở hiện trạng, ranh hiện hữu, sử dụng ổn định trước khi bà T3 vào sử dụng đất.

Căn cứ các chứng cứ đã thu thập cho thấy, căn cứ tọa độ, vị trí các thửa đất của bà T3 để cho rằng ông T lấn đất và buộc giao trả đất cho bà T3 là chưa có cơ sở, theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính, cần phải xác minh các tình tiết có hay không hành vi lấn đất, việc sử dụng đất, việc cấp giấy CNQSD đất của ông T cũng như các giấy CNQSD đất mà bà T3 nhận chuyển nhượng,... để làm rõ thì mới có căn cứ xem xét ra quyết định. Tuy nhiên, ở trường hợp này khi chưa xác định rõ quyền sử dụng đất thuộc của ai, trong khi đang có tranh chấp chưa được quyết định mà buộc giao trả đất là chưa đảm bảo quyền lợi của một trong các bên, cho thấy việc quyết định buộc giao trả đất là chưa phù hợp.

Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông T về nội dung này là có căn cứ. Kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, do quyết định xử phạt chỉ bị hủy một phần về hành vi thứ hai, dẫn đến quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cũng chỉ hủy một phần tương ứng. Theo đó, số tiền ông T đã nộp phạt được

hoàn trả lại cho ông T một phần đối với nội dung của quyết định xử phạt không đúng (hành vi thứ hai 4.000.000 đồng).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Phía người bị kiện không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố P; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 90/2023/HC-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng các Điều 38, 58, 59, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020);

- Áp dụng Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Áp dụng Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Áp dụng Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Văn T.

- Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1805/QĐ-XPHC ngày 08 tháng 4 năm 2022 về nội dung điểm b khoản 2 Điều 1 và hủy một phần Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5820/QĐ-CCXP ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về hành vi thứ hai theo điểm b khoản 4 Điều 1.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho ông Huỳnh Văn T đã nộp phạt theo số biên lai 332408 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh P.

2. Về án phí:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009845 ngày 10/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn lại 300.000 đồng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P theo biên lai thu tiền số 0001385 ngày 19/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị T3 là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười